

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tám;

Ông Hồ Quang Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh:** Ông Lê Hồng Đức  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41A/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Phương C - sinh năm 1977; Trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1978; Trú tại: Thôn L (trước đây là thôn N), xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023 (nộp Tòa án cùng ngày), bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Phương C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện yêu thương, về sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyển số 01/2004 ngày 20 tháng 4 năm 2004.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị về sống chung tại nhà của anh B ở thôn N (nay là thôn L), xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh B thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không làm chủ được bản thân nên nhiều lần chửi mắng, xúc phạm chị, thậm chí còn đánh đập chị; không những vậy, anh B còn ham chơi, mê cờ bạc nên dẫn đến gia đình thường hay nợ nần; chị đã nhiều lần góp ý tuy nhiên anh B không những không nghe mà còn đánh đập, chửi mắng chị, chị đã cố gắng bỏ qua nhưng anh B không có sự thay đổi, dần dần tình cảm giữa cả hai ngày càng phai nhạt, do không sống chung được nữa nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017, đến nay đã được 08 năm, anh B bỏ mặc mối quan hệ giữa vợ chồng, không có biện pháp hòa giải hàn gắn mâu thuẫn nên mâu thuẫn không giải quyết được, đến nay, chị C xác định tình cảm giữa chị và anh B đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là Nguyễn Huỳnh T - sinh ngày 21 tháng 01 năm 2005 và Nguyễn Nhật T1 - sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005; hiện các con chung đều đã đủ 18 (mười tám) tuổi nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định giữa chị và anh B không có nợ chung.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 8 năm 2023, biên bản hòa giải ngày 18 tháng 8 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:*

Anh thống nhất với phần trình bày của chị C về thời gian kết hôn cũng như về quan hệ hôn nhân. Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng anh chị hiện nay đang có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, nhiều khi cả hai không hiểu nhau nên thường hay cãi vã, tuy nhiên anh vẫn còn yêu thương chị C nên nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý; anh xin được hòa giải về sống đoàn tụ cùng chị C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là Nguyễn Huỳnh T - sinh ngày 21/01/2005, Nguyễn Nhật T1 - sinh ngày 17/7/2005; hiện các con chung đã đủ 18 (mười tám) tuổi nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh B xác định vợ chồng không có nợ chung.

Sau khi hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ

án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để anh B thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

*1. Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2. Về nội dung:* Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Phương C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B; anh B có nơi cư trú ở Thôn L (trước đây là thôn N), xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa chị C với anh B là “Tranh chấp về ly hôn” và Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà anh B cư trú.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Trần Thị Phương C và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyển số 01/2004 ngày 20 tháng 4 năm 2004. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Phương C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa chị C và anh B, theo chị C xác định: Do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không làm

chủ được bản thân nên nhiều lần chửi mắng, xúc phạm chị, thậm chí còn đánh đập chị; không những vậy, anh B còn ham chơi, mê cờ bạc nên dẫn đến gia đình thường hay nợ nần; chị đã nhiều lần góp ý tuy nhiên anh B không những không nghe mà còn đánh đập, chửi mắng chị. Mặc dù chị C cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không thành công; chị C và anh B đã sống ly thân từ 08 năm nay, anh B bỏ mặc mối quan hệ, không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn giữa anh, chị nên mâu thuẫn không giải quyết được; chị C xác định hiện tại giữa chị và anh B đã không còn quan hệ với nhau về mọi mặt, từ chuyện tình cảm cho đến kinh tế.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 8 năm 2023 và biên bản hòa giải ngày 18 tháng 8 năm 2023 thể hiện tuy anh Nguyễn Văn B không đồng ý ly hôn, anh trình bày còn yêu thương chị C nhưng anh cũng thừa nhận hiện tại quan hệ giữa vợ chồng anh chị đã có mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh B xin được hòa giải đoàn tụ cùng chị C nhưng anh B cũng không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn giữa cả hai, chị C cũng không chấp nhận đồng ý hòa giải về chung sống lại với anh B. Mặt khác, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để anh B có mặt tại phiên tòa giải quyết mâu thuẫn giữa anh chị nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh B đã bỏ mặc, không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị C nữa.

[2.3] Qua xác minh ngày 05 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân xã V xác nhận về mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Phương C và anh Nguyễn Văn B thì địa phương không rõ do không có trình báo tuy nhiên địa phương cũng xác nhận hiện tại anh B, chị C đã không còn sống chung với nhau nữa.

[2.4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Phương C và anh Nguyễn Văn B đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phương C đối với anh Nguyễn Văn B.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh B có 02 (hai) con chung là Nguyễn Huỳnh T - sinh ngày 21 tháng 01 năm 2005 và Nguyễn Nhật T1 - sinh ngày 17 tháng 7 năm 2005, hiện các con chung đều đã đủ 18 (mười tám) tuổi; anh B và chị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh B đều xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Phương C phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Phương C;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương C được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: 02 (hai) con chung là Nguyễn Huỳnh T - sinh ngày 21/01/2005 và Nguyễn Nhật T1 - sinh ngày 17/7/2005; hiện đều đã đủ 18 (mười tám) tuổi; anh B, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị C và anh B đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0001922 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)*
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Khánh *(Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2004 ngày 20 tháng 4 năm 2004);*
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, AV, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Vi Nhật Hoàng**